

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
Đ	Số: 1029
	Ngày: 01/8
	Chuyên: Căn cứ Luật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 26 thủ tục hành chính thay thế tại Mục I lĩnh vực tư pháp bằng Mục I(a) lĩnh vực hộ tịch và Mục I(b) lĩnh vực nuôi con nuôi.
- Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 22 thủ tục hành chính bổ sung tại Mục VIII Lĩnh vực đất đai.

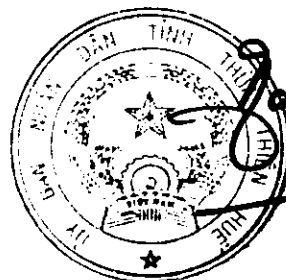
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác của danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, KNNV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Cao

DANH MỤC 26 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TẠI MỨC I LĨNH VỰC TƯ PHÁP
BẢNG MỨC I(a) LĨNH VỰC HỘ TỊCH VÀ MỨC I (b) LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI
Bảng hành kèm theo Quyết định số: 1751 /QĐ-UBND, ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

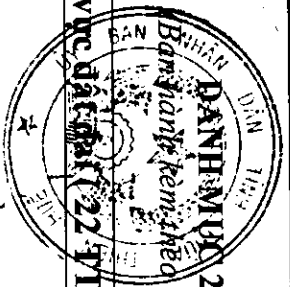


Tên thủ tục hành chính

TT	Lĩnh vực hệ tịch (21 TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận TN& TKQ	Công chức chuyên môn	Lãnh đạo và Văn phòng	Bộ phận TN& TKQ	
1	Thủ tục đăng ký khai sinh						
2	Thủ tục đăng ký kết hôn						
3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	3	0,25	2	0,5	0,25	Cần xác minh thì không quá 5 ngày
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	3	0,25	2	0,5	0,25	Cần xác minh thì không quá 8 ngày
5	Thủ tục đăng ký khai tử						Cần xác minh thì không quá 3 ngày
6	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	5	0,25	4	0,5	0,25	
7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	5	0,25	4	0,5	0,25	
8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	5	0,25	4	0,5	0,25	
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới						
10	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	3	0,25	2	0,5	0,25	Cần xác minh thì không quá 8 ngày
11	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	7	0,25	6	0,5	0,25	Cần xác minh thì không quá 12 ngày
12	Thủ tục đăng ký khai tử cơ yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới						
13	Thủ tục đăng ký giám hộ	3	0,25	2	0,5	0,25	Cần xác minh thì không quá 3 ngày
14	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	2	0,25	1	0,5	0,25	

15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Trong ngày					3 ngày đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch (Cần xác minh thì không quá 6 ngày). Trong ngày đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch.
16	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3	0,25	2	0,5	0,25	Cần xác minh không quá 6 ngày
17	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	5	0,25	4	0,5	0,25	Cần xác minh không quá 13 ngày
18	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5	0,25	4	0,5	0,25	Cần xác minh không quá 13 ngày
19	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	5	0,25	4	0,5	0,25	Cần xác minh không quá 13 ngày
20	Thủ tục đăng ký lại khai tử	5	0,25	4	0,5	0,25	Cần xác minh không quá 10 ngày
21	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày					
I(b)	Lĩnh vực nuôi con nuôi (5 TTHC)						
1	Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	30	0,5	28	1	0,5	
2	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	5	0,25	4	0,5	0,25	
3	Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	20	0,5	18	1	0,5	Không tính thời gian 10 ngày gửi Sở Tư pháp xin ý kiến
4	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế	15	0,5	13	1	0,5	
5	Thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng	Không quy định					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1751/QĐ-UBND, NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2016 CỦA CHỦ TỊCH UBND (tỉnh)

VIII	Lĩnh vực đất đai (22 TT/HC)							Thêm 10 ngày để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xem xét đăng ký
3	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xem xét đăng ký
4	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 25 ngày
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 15 ngày
6	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 25 ngày
7	Thủ tục đăng ký bỏ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 15 ngày
8	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 25 ngày
9	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 5 ngày

10	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 10 ngày (15 ngày nếu cấp Giấy mới)
11	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 10 ngày (15 ngày nếu cấp Giấy mới)
12	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 10 ngày
13	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 15 ngày
14	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liên kế sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liên kế	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 5 ngày
15	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu kinh tế	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 15 ngày
16	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ	3	0,25	2	0,5	0,25	Chi nhánh Văn phòng

	gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với hợp có nhu cầu							đăng ký đất đai thực hiện trong 5 ngày
17	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 15 ngày
18	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 10 ngày
19	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 10 ngày
20	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc trang bỗ sung do bị mất	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 30 ngày
21	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 3 ngày (8 ngày nếu có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận mới hoặc trường hợp có nhiều nội dung đính chính)
22	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	3	0,25	2	0,5	0,25		Chuyên hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện
24	Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 7 ngày
25	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất	3	0,25	2	0,5	0,25		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trong 5 ngày